

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh.

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 414/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/1983,

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người được anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Chị Luân Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số F, ngách A, ngõ D, đường V, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh ngày 17/10/1987,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 11, thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Malaysia.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Quang K, sinh năm 1966. Đội 11, thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương, ngày 15/7/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2007 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh tìm đón chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Năm 2009 chị H đi lao động tại Malaysia, nhưng rất ít liên lạc về cho anh, thời gian về nghỉ phép chị H cũng không tìm gặp anh mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2020 chị H lại tiếp tục xuất cảnh lao động tại Malaysia đến nay chưa về nước, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị Thu H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/05/2006, hiện con đang ở cùng ông ngoại là Vũ Quang K. Anh đề nghị giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam anh nhất trí giao con Nguyễn Thị T1 cho ông Vũ Quang K chăm sóc cho đến khi chị H về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đang bận công việc nên anh ủy quyền cho chị Luân Thị N thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị H. Ông Vũ Quang K (bố đẻ chị H) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết, chị H có quan điểm xác định quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Sau khi sinh con, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, năm 2010 chị đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa cách từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn

nên chị nhất trí ly hôn. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/5/2006 cho đến khi con thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho ông K thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Vũ Quang K nhất trí thay chị H chăm sóc cháu Nguyễn Thị T1 cho đến khi chị H về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu T1.

Con chung của anh T và chị H là cháu Nguyễn Thị T1 có nguyện vọng được ở với chị H và ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Vũ Thị Thu H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/5/2006 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Thị T1 cho ông Vũ Quang K chăm sóc trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam. Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T sinh sống tại Việt Nam, bị đơn chị Vũ Thị Thu H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở đội A, thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương, hiện chị H đang lao động tại Malaysia. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông K là bố đẻ chị H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị H đồng

thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông K vẫn thường xuyên liên lạc với chị H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị H. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình chị H và ông K có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương, ngày 15/7/2005 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2007 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, năm 2009 chị đi lao động tại Malaysia đến nay chưa về nước, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Vũ Thị Thu H. Thông qua gia đình chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, anh T có đơn xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Thu H có 01 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/5/2006. Anh T và chị H thống nhất giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho ông Vũ Quang K thay chị chăm sóc con Nguyễn Thị T1 cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Nguyễn Thị T1 cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Vũ Thị Thu H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/5/2006 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con Nguyễn Thị T1 cho ông Vũ Quang K nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000499 ngày 05/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và ông Vũ Quang K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thương Quận, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường